

Tiến trình hoạch định chính sách đối ngoại Việt Nam với Hoa Kỳ dựa trên mô hình của David Easton

Nguyễn Thu Trang*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Từ năm 2001, Việt Nam từng bước xây dựng và triển khai quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với một số quốc gia chủ chốt trên thế giới. Những động thái của Việt Nam trong việc phát triển đối tác đã đem lại sự quan tâm từ cộng đồng quốc tế. Đồng thời, sự khác biệt về tính chất của "Quan hệ đối tác chiến lược", "Quan hệ đối tác toàn diện", "Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện" trong chính sách đối ngoại Việt Nam là nội dung được nhiều nhà nghiên cứu, nhà quan sát quan tâm. Đối với quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ, vì những song trùng về lợi ích quốc gia mang tính chiến lược lâu dài, quan hệ hai nước phát triển mạnh mẽ từ bình thường hóa quan hệ đến đối tác toàn diện vào năm 2013. Từ năm 2017, hai quốc gia đã lên kế hoạch để nâng quan hệ hai nước từ cấp đối tác toàn diện lên cấp đối tác chiến lược. Trên bối cảnh đó, bài viết tập trung vào việc áp dụng lý thuyết hệ thống trong việc định hình hệ thống hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam, với nội dung "**Tiến trình hoạch định chính sách đối ngoại Việt Nam với Hoa Kỳ dựa trên mô hình của David Easton**". Nghiên cứu hướng đến việc phân tích quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với Hoa Kỳ theo mô hình của David Easton trong lý thuyết hệ thống. Bên cạnh đó, bài viết sẽ đưa ra dự báo về khả năng điều chỉnh chính sách đối ngoại Việt Nam với Hoa Kỳ, đặc biệt là nâng cấp quan hệ lên quan hệ đối tác chiến lược.

Từ khoá: Tiến trình hoạch định chính sách đối ngoại, Việt Nam, Hoa Kỳ, mô hình David Easton

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế nói chung và chính sách đối ngoại nói riêng, việc tìm kiếm cách giải thích hành vi, động thái và triển vọng của quá trình triển khai chính sách đối ngoại có vai trò hết sức quan trọng. Trong đó, chính sách đối ngoại của các quốc gia riêng lẻ có thể phản ánh các thuộc tính bên trong được xem là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến hệ thống quốc tế [1, tr. 289-335]. Đặc biệt, lý thuyết hệ thống đã chuyển sự chú ý của các nhà nghiên cứu từ những động thái, hành vi của một quốc gia sang nghiên cứu sự tương tác giữa các quốc gia với nhau. Từ những năm 1940 đến những năm 1950, nghiên cứu hệ thống chính trị bắt đầu được quan tâm tại Hoa Kỳ. Trong thập niên 1970, các nghiên cứu về tác động qua lại giữa các đặc điểm quốc gia (diện tích, dân số, hệ thống chính trị, kinh tế,...) và chính sách đối ngoại dưới góc độ hệ thống đã nhận được sự quan tâm lớn. Bước vào thời kỳ toàn cầu hóa, môi trường hoạch định chính sách tiếp cận từ lý thuyết hệ thống được bổ sung thêm các nhân tố khác như nhóm tinh hoa, thông tin, báo chí, truyền thông, công chúng², công luận³ (nhất là trong tình trạng chiến tranh)⁴.

Trong nghiên cứu về lý thuyết hệ thống đối với các vấn đề đối ngoại không thể không nhắc tới phương pháp

tiếp cận hệ thống – cấu trúc (Systemic-Structural Approach) của Kenneth N. Waltz. Ở cấp độ quốc gia, liên quan đến chính sách đối ngoại, hệ thống chính trị đóng vai trò trong việc xây dựng, hoạch định các chính sách. Trong lý thuyết của K. Waltz, cấu trúc của hệ thống quốc tế giới hạn mục tiêu quốc gia và cách thức thực hiện các mục tiêu đó. Trong đó, mục tiêu quan trọng nhất là sống còn ("survival") ở một môi trường vô chính phủ ("anarchy"), với nguyên tắc "tự cứu" ("self-help") như lý thuyết của chủ nghĩa hiện thực [5, tr. 38-59]. Bên cạnh đó, Modelki và Wallerstein cũng đã tiếp tục bổ sung và hoàn thiện khung lý thuyết hệ thống về các vấn đề đối ngoại. Nhìn chung, các lý thuyết đều tập trung vào cấp độ toàn cầu với đơn vị cấu thành hệ thống quốc tế là các quốc gia. Khác với các nhà nghiên cứu lý thuyết hệ thống trước đó, ba học giả trên đều xem xét khung lý thuyết với các phân tích lịch sử. Sự khác biệt lớn nhất trong nghiên cứu của ba học giả chính là việc Waltz xem xét các vấn đề đối ngoại theo chiều ngang không phân cấp ("nonhierarchical") trong hệ thống quốc tế. Trong khi đó, Modelki và Wallerstein xem hệ thống quốc tế là hệ thống phân cấp ("hierarchical"). Không chỉ vậy, Waltz và Modelki xem xét hệ thống cấu trúc thế giới như một cấu trúc chính trị thì Wallerstein trình bày một cấu trúc kinh tế. Thực tế, việc tìm kiếm một lý thuyết

Trưởng Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

Liên hệ

Nguyễn Thu Trang, Trưởng Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM
Email: thutrang@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 06/09/2019
- Ngày chấp nhận: 02/04/2020
- Ngày đăng: xx/6/2020

DOI:



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Trang N T. **Tiến trình hoạch định chính sách đối ngoại Việt Nam với Hoa Kỳ dựa trên mô hình của David Easton.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 4(2):xxx-xxx.

quan hệ quốc tế phù hợp với châu Á vẫn còn tồn tại nhiều tranh luận và các bất đồng⁶.

Lý thuyết hệ thống là cần thiết trong nghiên cứu hệ thống quy định hành vi và mối quan hệ giữa các biến theo hướng từ trên xuống, lý giải hiệu quả mối quan hệ giữa nhiều yếu tố theo các quan hệ giữa các cặp biến số nhưng lại không thể hiện được sự đan xen và cách sắp xếp của các biến trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại. Do đó, không thể áp dụng một cách máy móc các lý thuyết quan hệ quốc tế có nguồn gốc từ phương Tây cho các quốc gia châu Á mà cần có sự chọn lọc và đặt trong bối cảnh nghiên cứu nhất định. Ngoài ra, quá trình hoạch định chính sách từ cách tiếp cận hệ thống đã được Robert Dahl và David Easton quan tâm. Đặc biệt, David Easton đã đưa ra mô hình hoạch định chính sách theo lý thuyết hệ thống bao gồm các yếu tố: đầu vào, hộp đen (“black box”) và đầu ra.

Trên cơ sở đó, bài viết là bài phân tích về tiến trình hoạch định chính sách đối ngoại Việt Nam với Hoa Kỳ dựa trên mô hình của David Easton. Mô hình của David Easton xuất phát từ kết quả nghiên cứu của David Easton trong một thời gian dài với việc đặt nền tảng về phương pháp luận cho việc xây dựng một khung lý thuyết để phân tích chính trị. Trong nghiên cứu chính trị và quan hệ quốc tế, mô hình của David Easton là một khung lý thuyết đơn giản nhưng có thể tiếp cận những vấn đề phức tạp trong quá trình hoạch định chính sách của một quốc gia. Không chỉ vậy, mô hình có tính khái quát cao và có thể áp dụng rộng rãi nhờ đặt yếu tố “hộp đen” chính là hệ thống chính trị của quốc gia được chọn nghiên cứu. Với tính linh động cao nhưng mô hình của David Easton chỉ tập trung vào việc hoạch định chính sách của một quốc gia, trong khi yếu tố tương tác với các chủ thể khác chưa được quan tâm đúng mức. Trong khi đó, yếu tố môi trường (bên trong và bên ngoài quốc gia) trong quá trình hoạch định chính sách là nội dung tác động và ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách đối ngoại.

Đặc biệt, quá trình hoạch định chính sách đối ngoại Việt Nam mang nhiều đặc trưng của thể chế chính trị Việt Nam. Đối với Hoa Kỳ - siêu cường duy nhất hiện nay cũng từng là cựu thù - chỉ trong gần 50 năm, Việt Nam đã thành công trong bình thường hóa quan hệ tiến tới hợp tác sâu rộng và đã thiết lập thành công đối tác toàn diện và đang trong tiến trình nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược trong năm 2020. Đồng thời, các công trình nghiên cứu chính sách đối ngoại Việt Nam trước đây thường tập trung vào trình bày, mô tả, lý giải chính sách chung cùng các hoạt động thực tiễn mà chưa quan tâm nhiều đến quá trình hoạch định chính sách đối với một chủ thể nhất định.

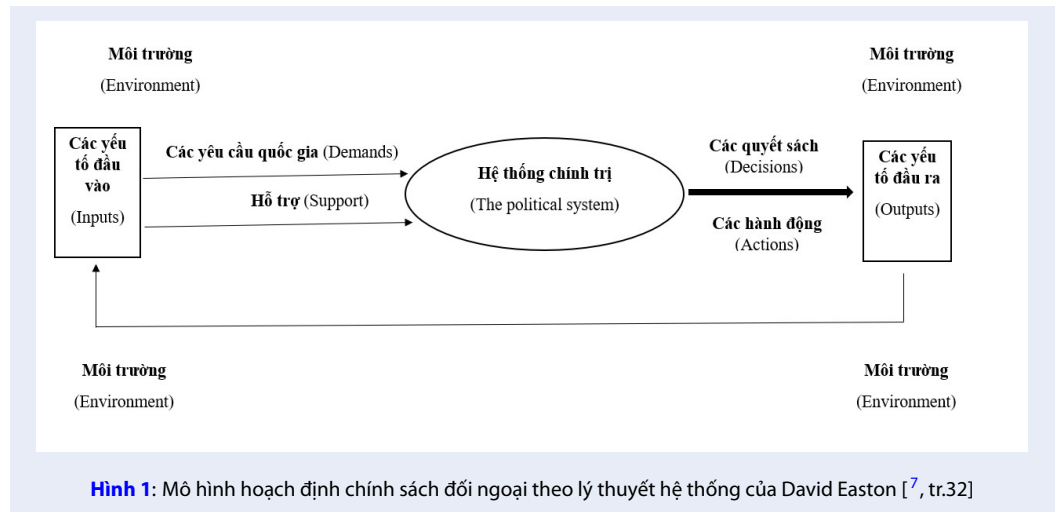
Với những lý do trên, tác giả lựa chọn mô hình David Easton trong lý thuyết hệ thống để phân tích quá trình hoạch định chính sách đối ngoại Việt Nam đối với Hoa Kỳ với phương pháp nghiên cứu định tính trên cơ sở của phương pháp lịch sử và logic để làm rõ quá trình xây dựng, phát triển, điều chỉnh, thay đổi tư duy chính sách đối ngoại của Việt Nam.

MÔ HÌNH HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI THEO LÝ THUYẾT HỆ THỐNG CỦA DAVID EASTON

Có thể thấy, qua Hình 1, các yếu tố đầu vào dùng để chỉ những biến động của tình hình nội bộ quốc gia lẫn sự dịch chuyển thay đổi của nền chính trị toàn cầu. Trong đó, vấn đề nội bộ quốc gia có vai trò then chốt vì chính sách đối ngoại là sự kéo dài của chính sách đối nội. Các biến động xung quanh hệ thống chính trị quốc gia có thể kể đến như bầu cử, phản ứng của công luận, báo chí và nhận định, suy nghĩ của mỗi cá nhân. Các yếu tố trên đặt trong bối cảnh quốc tế sẽ đưa đến thuận lợi và khó khăn cho sự tồn vong và phát triển của một quốc gia. Các yêu cầu bức thiết và sự hỗ trợ từ bên trong và bên ngoài sẽ là nguồn đầu vào của chính sách đối ngoại. Tiếp đó, các nội dung này đến hệ thống chính trị bao gồm các bộ phận hoạch định và triển khai trực tiếp và gián tiếp các chính sách đối ngoại. Giai đoạn này còn được gọi là các yếu tố trong “hộp đen” (“black box”) vì những quy định thành văn và không thành văn trong hệ thống chính trị mỗi nước sẽ ảnh hưởng đến các quyết sách và cách nhìn nhận các vấn đề đối ngoại. Cuối cùng, các yếu tố đầu ra chính là các quyết sách, sách lược, đường lối, biện pháp để ứng phó với các vấn đề chung. Đáng chú ý, quá trình hoạch định chính sách luôn bị chi phối bởi yếu tố “môi trường” trong suốt quá trình hoạch định chính sách đối ngoại. Không chỉ vậy, chính sách đối ngoại sẽ đưa ra những biện pháp cụ thể trên ba lĩnh vực chính: chính trị - xã hội, kinh tế - thương mại, an ninh - quân sự.

QUÁ TRÌNH HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM VỚI HOA KỲ DỰA TRÊN MÔ HÌNH CỦA DAVID EASTON

Đối với trường hợp Việt Nam, đường lối đối ngoại nói chung là hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp của Việt Nam về các vấn đề đối ngoại. Đường lối đối ngoại Việt Nam được thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt, đường lối đối ngoại của Việt Nam nằm trong đường lối chính trị xuyên suốt, toàn diện của một giai đoạn nhất định



như đường lối “Đổi mới” từ Đại hội VI năm 1986. Bên cạnh đó, còn có đường lối cách mạng cho từng lĩnh vực hoạt động như đường lối phát triển kinh tế - xã hội, đường lối xây dựng Đảng và Nhà nước...

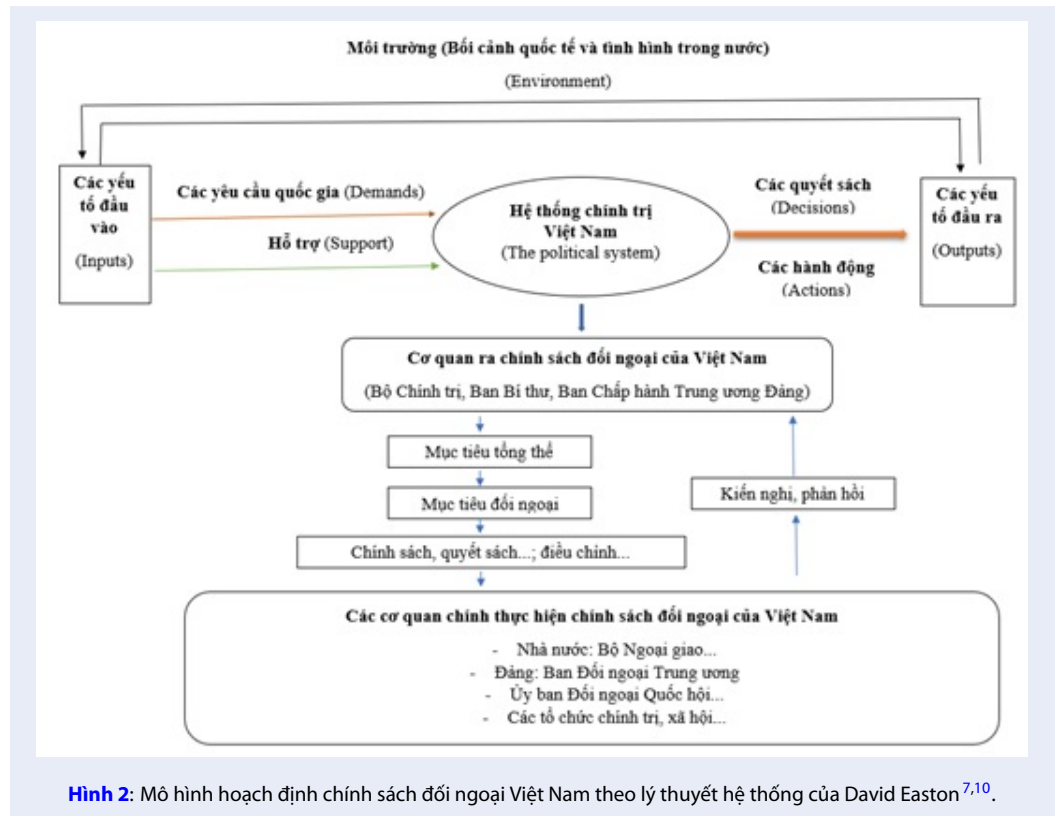
Bài viết sẽ tiếp cận quá trình hoạch định chính sách đối ngoại Việt Nam về việc xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược với Hoa Kỳ dựa trên mô hình của David Easton. Trong đó, bài viết tập trung vào hai trọng tâm chính: Các nhân tố bên ngoài và mang tính hệ thống; và Nguồn gốc bên trong và mang tính xã hội của chính sách đối ngoại – đây là nội dung chính trong nghiên cứu và phân tích về chính sách đối ngoại⁸. Đồng thời, theo quan điểm của Việt Nam, chính sách đối ngoại không thể xa rời hoàn cảnh thực tế đất nước, hay hy sinh lợi ích dân tộc vì một lợi ích khác⁹. Áp dụng mô hình của David Easton với quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam, chúng ta có mô hình 2, cụ thể như sau:

Theo Hình 2, bên cạnh các yếu tố cơ bản như Hình 1, quá trình hoạch định chính sách được bổ sung thêm các yếu tố thuộc về hệ thống chính trị Việt Nam. Đặc biệt mô hình về hoạch định chính sách đối ngoại Việt Nam được kế thừa từ công trình nghiên cứu của tác giả Lê Viết Duyên¹⁰. Trong đó, cơ quan hoạch định chính sách đối ngoại cũng như các lĩnh vực khác là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Điểm đặc biệt của hệ thống chính trị Việt Nam là sự lãnh đạo nhất quán và toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam. Dựa trên mục tiêu tổng thể của đất nước trong thường thời kỳ, mục tiêu đối ngoại được đưa ra phù hợp với bối cảnh quốc tế, khu vực và tình hình trong nước. Từ đó, chính sách, quyết sách, nghị quyết sẽ cụ thể hóa các mục tiêu, thậm chí, quyết định điều chỉnh, bổ sung, thay đổi, cập nhật để thích ứng, phù hợp về lý luận lẫn thực tiễn. Ở Việt Nam các cơ

quan chính trong triển khai thực hiện các chính sách đối ngoại rất phong phú và đa dạng mà trọng tâm là Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy ban Đối ngoại Quốc hội cùng các tổ chức chính trị, xã hội.

Môi trường thúc đẩy xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – Hoa Kỳ

Từ những năm đầu thế kỷ XXI đến nay, bối cảnh thế giới và khu vực châu Á-Thái Bình Dương đang vận động theo “xu hướng đa cực, đa trung tâm”. Trật tự “lưỡng siêu” (hai siêu cường cùng tồn tại – Hoa Kỳ và Trung Quốc) trên thế giới chưa thể hiện rõ nét, tuy nhiên, thế “lưỡng siêu” đã có một số biểu hiện tồn tại tại khu vực. Không chỉ vậy, khu vực Đông Á đã và đang là trở thành khu vực trọng điểm về an ninh của thế giới [11, tr.142-179], trong khi hòa bình, ổn định và phát triển là xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế đương đại [12, tr.11-25]. Ngoài ra, xu hướng sử dụng các hình thức hòa bình trong các tranh chấp, xung đột như “đàm phán”, “trung gian”, “hòa giải”, “tòa án”, “trọng tài” ngày càng phổ biến trong đời sống chính trị, kinh tế toàn cầu⁸. Trong xu thế vận động chung của thế giới, khu vực Đông Nam Á nói riêng và Châu Á – Thái Bình Dương nói chung tiếp tục duy trì và phát triển với vị thế trung tâm toàn cầu. Vào năm 2018, khu vực Châu Á – Thái Bình Dương tiếp tục chứng kiến sự đan xen, chông chéo về ảnh hưởng, lợi ích trong tương quan của các nước lớn. Sự đối đầu giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc ngày càng mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế với cuộc chiến thương mại. Những biến động này ảnh hưởng lớn đến quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với Hoa Kỳ bởi lẽ chính sách đối ngoại của một quốc gia được hoạch định và định hình xuất phát



từ vị trí của quốc gia đó trong hệ thống quốc tế và sự phân bổ quyền lực trong hệ thống đó [9, tr.336-343]. Đồng thời, thể chế chính trị - xã hội của Châu Á - Thái Bình Dương và khu vực Đông Nam Á muốn màu mỡ với sự tồn tại của các thể chế khác nhau¹³. Khu vực có đặc trưng về việc thiếu hụt cân bằng thể chế hay các cơ chế ngăn ngừa xung đột, đặc biệt là các kênh đối thoại [14, tr.16]. Đông Á hiện nay đang tồn tại nhiều điểm nóng an ninh của thế giới do sự can dự của nhiều nước lớn. Tình trạng chia cắt giữa hai bờ eo biển Đài Loan, và hai miền Nam - Bắc bán đảo Triều Tiên có nhiều khả năng sẽ không có sự thay đổi căn bản cho đến cuối thập niên này [15, tr.3-12]. Biển Đông cũng trở thành một trong những nguy cơ an ninh phức tạp của khu vực với những động thái gia tăng căng thẳng từ phía Trung Quốc. Đặc biệt, những đột phá ngoại giao đã được thực hiện tại khu vực như các cuộc gặp thượng đỉnh lịch sử Triều Tiên - Hàn Quốc (Tháng 4/2018), Triều Tiên - Hoa Kỳ (lần 1: Tháng 6/2018; lần 2: Tháng 2/2019). Nhìn chung, tình hình khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện nay chứa đựng nhiều biến động phức tạp và khó lường, đòi hỏi các quốc gia cần lựa chọn chính sách thích hợp với bối cảnh mới của khu vực. Đặc biệt, từ đầu thế kỷ XXI, Hoa Kỳ tích cực thực hiện chính sách “Trở lại Châu Á”, “Ấn Độ Dương-Thái Bình

Dương: Tự do - Rộng mở”; lấy nền tảng là các mối quan hệ song phương với các quốc gia liên minh trong khu vực (Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippines); và thúc đẩy quan hệ song phương giữa các quốc gia trong “trục - nan hoa”. Hiện nay, các nước trong “trục - nan hoa” cũng đang xích lại gần nhau đem đến một viễn cảnh về một hình thức hợp tác mới, thay thế cho một NATO Châu Á. Cụ thể, ASEAN thể hiện vai trò điều phối trong các thể chế hợp tác đa phương và nhận được sự ủng hộ của nước lớn¹⁶. Ngoài ra, các FTA giữa ASEAN với các đối tác trong khu vực làm tiền đề cho xây dựng cấu trúc kinh tế khu vực, tác động không nhỏ đến gắn kết các quốc gia và tăng tính ổn định khu vực.

Các yếu tố đầu vào theo mô hình David Easton trong hoạch định chính sách đối ngoại thúc đẩy xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ

Nhu cầu cấp thiết của Việt Nam trong việc xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, thách thức an ninh lớn nhất đe dọa Việt Nam chính là sự trỗi dậy của Trung Quốc. Những hành vi gây hấn của Trung Quốc, các tuyên bố chủ quyền lãnh thổ và sự thay đổi

về địa chiến lược trong tầm nhìn của quốc gia này đã gia tăng những căng thẳng trong khu vực. Đồng thời, lợi dụng sự suy yếu [tương đối] của Hoa Kỳ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu (2007-2008), Trung Quốc đã tận dụng cơ hội chiến lược này để gia tăng ảnh hưởng, chiếm lĩnh nhiều “không gian chiến lược” mà Hoa Kỳ bỏ trống ở khu vực, trong đó có Biển Đông – vùng biển với những đảo, quần đảo thuộc chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam. Trung Quốc đã bắt đầu hành động cứng rắn hơn với các nước láng giềng trong khu vực ngoại vi, thông qua con đường tấn công ngoại giao và đe dọa quân sự. Trung Quốc đơn phương đưa ra các tuyên bố chủ quyền lãnh thổ dựa trên sự “thêu dệt ký ức lịch sử” bằng các loại chứng cứ, bản đồ, rồi hợp thức hóa bằng các hoạt động quân sự như các vụ cải tạo đất và quân sự hóa các bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam ở Biển Đông [17, tr.44]. Bên cạnh đó, các hành động khiêu khích, mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc cũng là một nguyên nhân gây ra căng thẳng ngày càng tăng. Các đội tàu đánh cá có vũ trang của Trung Quốc được sử dụng như những “lực lượng mềm” tràn ngập Biển Đông nhằm khẳng định các yêu sách lãnh thổ ở Biển Đông. Trong khi đó, từ khi chính thức bình thường hóa quan hệ ngoại giao vào năm 1995, Việt Nam và Hoa Kỳ luôn đồng thuận “khép lại quá khứ” và “hướng về tương lai”. Việt Nam rất coi trọng việc cải thiện quan hệ với Hoa Kỳ trong khuôn khổ chính sách ngày càng rộng mở các quan hệ đa phương hóa và đa dạng hóa. Nghị quyết Trung ương VIII của Ban Chấp hành Trung ương (Tháng 7-2003) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, Việt Nam nêu quan điểm về “đối tác”, và “đối tượng”, xác định thúc đẩy quan hệ với các nước trung tâm lớn trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tạo thế đan xen lợi ích giữa các nước; tránh bị rơi vào thế đối đầu, cò lập hay lệ thuộc [18].

Tiếp tục đường lối chủ động và tích cực hợp tác quốc tế, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (2006) đã xác định Việt Nam là bạn và là đối tác của các nước trên khu vực và trên thế giới: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực” [19, tr.122]. Đây là bước phát triển mới trong chính sách của Việt Nam trong quan hệ với các nước lớn, đặc biệt, Hoa Kỳ đóng một vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển của Việt Nam.

Không chỉ vậy, Việt Nam còn là quốc gia chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi tất cả các sách lược của Trung Quốc như kế hoạch “đường lưỡi bò”, chiến lược “Chuỗi ngọc trai trên biển” [20, tr.62], sáng kiến kinh

tế “Vành đai, Con đường”, dự án địa chính trị toàn cầu “Con đường tơ lụa thế kỷ XXI” của Trung Quốc. Chính vì đặc điểm này, Việt Nam trở thành một nhân tố có thể ảnh hưởng trực tiếp đến thế cân bằng quyền lực giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc đang tồn tại ở khu vực. Trong khi đó, Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc vào năm 2008. Việc thúc đẩy quan hệ với Hoa Kỳ nhằm thúc đẩy đối trọng với một Trung Quốc đầy tham vọng và hung hăng là cần thiết. Có thể nói, khả năng điều hòa các mối quan hệ giữa các nước lớn mang yếu tố quyết định đến lợi ích quốc gia, dân tộc của Việt Nam.

Những điều kiện thuận lợi thúc đẩy việc xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – Hoa Kỳ

Những chủ thể tham gia quá trình hoạch định chính sách đối ngoại Hoa Kỳ ngày càng có sự ủng hộ mạnh mẽ cho việc xây dựng quan hệ đối tác chiến lược đối với Việt Nam. Từ tháng 7/2013, hai quốc gia chính thức thiết lập quan hệ đối tác toàn diện và khẳng định những lợi ích song trùng, cùng mong muốn thúc đẩy quá trình hợp tác đi vào chiều sâu và thực chất. Một mặt, Việt Nam với “lời nguyện địa lý”, “sự bất công về địa lý” – láng giềng phía nam của Trung Quốc [21, tr.159], có vai trò địa chính trị quan trọng như một “vùng đệm” chiến lược giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, cầu nối quan trọng giữa Hoa Kỳ với các quốc gia ASEAN hải đảo và ASEAN lục địa [22]. Mặt khác, hợp tác Việt Nam – Hoa Kỳ có thể tạo điều kiện thuận lợi cho Hoa Kỳ can dự vào các điểm nóng khu vực như vấn đề Biển Đông [23], vấn đề hợp tác tiểu vùng sông Mekong. Nói cách khác, thúc đẩy quan hệ toàn diện với Việt Nam cũng là nhu cầu và lợi ích quốc gia của Hoa Kỳ nhằm đảm bảo các biện pháp đối phó với sự cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc, góp phần tìm kiếm giải pháp hòa bình cho khu vực. Đặc biệt, trong bối cảnh Hoa Kỳ sẽ luôn mong muốn duy trì vị thế cường quốc số một và vai trò lãnh đạo thế giới, bảo vệ lợi ích của Hoa Kỳ trên toàn cầu và tại các khu vực.

Các yếu tố về hệ thống chính trị thúc đẩy việc xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – Hoa Kỳ

Đặc điểm đáng chú ý nhất trong hệ thống chính trị Việt Nam đối với việc hoạch định chính sách đối ngoại đó là sự lãnh đạo tuyệt đối và thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam [24, tr.60]. Nói cách khác, việc hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam bắt nguồn từ quan điểm quốc tế của Đảng, đặc trưng truyền thống dân tộc và thực tiễn yêu cầu cách mạng từng thời kỳ. Việc thúc đẩy xây dựng quan hệ đối

tác chiến lược Việt Nam – Hoa Kỳ là một phần trong sự điều chỉnh chính sách chung về thời kỳ Đổi mới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định nền tảng chính sách đối ngoại Việt Nam là lợi ích quốc gia dân tộc. Bên cạnh việc đề cao tinh thần hòa hiếu, chính sách đối ngoại Việt Nam luôn phát huy mọi nguồn lực tạo sức mạnh tổng hợp; kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Trong đó, độc lập tự chủ, tự lực tự cường là yếu tố xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Chính sách đối ngoại Việt Nam cũng luôn thể hiện quan điểm “đi bất biến, ứng vạn biến”. Phương châm hành động của Đảng về đối ngoại trong thời kỳ đổi mới được thực hiện nhất quán, kiên định về chiến lược, cơ động linh hoạt về sách lược. Trong thời kỳ Đổi mới, nguyên tắc “bất biến” là lợi ích quốc gia dân tộc với nội hàm độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, sức mạnh và vị thế đất nước [25, tr.551-552]; là mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Phương cách triển khai thì thiên biến vạn hóa, khi cương khi nhu, khi tiến khi lui tùy theo vấn đề, thời điểm, tương quan lực lượng cụ thể.

Mỗi quốc gia đều phải quan tâm đến đặc điểm, cấu trúc của hệ thống quan hệ quốc tế để có cách ứng xử phù hợp²⁶. Với tình hình biến động và bất định của thế giới lẫn khu vực, chính sách đối ngoại Việt Nam đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ từ thời kỳ Đổi mới (năm 1986). Đảng Cộng sản Việt Nam liên tục cập nhật, điều chỉnh tư duy đối ngoại nhằm phục vụ cho lợi ích quốc gia – dân tộc với các tiếp cận linh hoạt các vấn đề quan hệ quốc tế. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Việt Nam khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa giàu mạnh”²⁷. Đồng thời, Việt Nam đang nỗ lực làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với các quốc gia trên thế giới, nhất là các nước lớn, các đối tác quan trọng. Việt Nam luôn kiên định thực hiện các nguyên tắc trên vì: “Việc mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ với những quốc gia quan trọng trên thế giới phù hợp với lợi ích của mỗi nước, góp phần vào hòa bình, ổn định, thịnh vượng của khu vực và thế giới chính là sự thể hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.”²⁸

Đối với quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ, vì những song trùng về lợi ích quốc gia mang tính chiến lược lâu dài, quan hệ hai nước phát triển mạnh mẽ từ bình thường hóa quan hệ đến đối tác toàn diện vào năm 2013²⁹. Từ năm 2017, hai quốc gia đã lên kế hoạch để nâng quan hệ hai nước từ cấp đối tác toàn diện lên cấp đối tác chiến lược. Không chỉ vậy, trong thời kỳ của Tổng thống Donald Trump, quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ dần xóa bỏ khoảng cách và xích lại gần nhau hơn với sự tương thích về lợi ích chiến lược trên các lĩnh vực chính như chính trị-ngoại giao, kinh tế-thương mại và quốc phòng-an ninh.

Các yếu tố đầu ra theo mô hình David Easton trong hoạch định chính sách đối ngoại thúc đẩy xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – Hoa Kỳ

Mối quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – Hoa Kỳ được xây dựng trên nền tảng quan hệ đối tác toàn diện. Theo tuyên bố chung giữa hai quốc gia như Tuyên bố nhân chuyến thăm Hoa Kỳ của Chủ tịch nước Việt Nam Trương Tấn Sang, Tầm nhìn chung giữa Hoa Kỳ và Việt Nam của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng và Tổng thống B. Obama, hai bên đều khẳng định nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của nhau; thể chế chính trị của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Thực tế, quan hệ đối tác chiến lược là dạng quan hệ hợp tác phong phú, trong đó thành phần, nội dung, hình thức, mức độ... hoàn toàn tùy thuộc vào sáng kiến của các bên.

Sau khi hai nước thiết lập quan hệ đối tác toàn diện, Việt Nam và Hoa Kỳ đã mở thêm nhiều cơ chế hợp tác mới. Đặc biệt, tháng 10/2014, Hoa Kỳ đã thể hiện thiện chí bằng việc dỡ bỏ một phần lệnh cấm bán vũ khí sát thương cho Việt Nam. Không chỉ vậy, Hoa Kỳ còn sẵn sàng bán các loại phương tiện lưỡng dụng công nghệ cao với đối tác Việt Nam. Trong Tầm nhìn quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ được đưa ra trong chuyến thăm của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Mỹ vào tháng 7/2015, hai quốc gia khẳng định: “Hướng tới tương lai quan hệ song phương và phát huy quan hệ Đối tác Toàn diện, hai nước khẳng định tiếp tục triển khai quan hệ sâu sắc, bền vững, và thực chất, trên cơ sở tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc, luật pháp quốc tế và thể chế chính trị, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau” (Tuyên bố về Tầm nhìn chung quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ, 7/7/2015). Tháng 11/2017, Tổng thống Hoa Kỳ Donald J. Trump, trong khuôn khổ Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) tổ chức tại Đà Nẵng (Việt Nam),

bày tỏ sự vinh hạnh được “hiện diện tại Việt Nam - trái tim của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” (honor to be here in Vietnam-in the very heart of Indo-Pacific). Trong chuyến công du gần hai tuần ở châu Á, Tổng thống Donald Trump đã liên tục sử dụng thuật ngữ này như có hàm ý về chiến lược mới của Hoa Kỳ ở khu vực vẫn thường được biết đến là châu Á - Thái Bình Dương (Asia - Pacific) nay được gắn với Ấn Độ Dương. Sau chuyến công du châu Á của Tổng thống Trump, Hoa Kỳ đã công bố lần lượt “Chiến lược An ninh Quốc gia” và “Chiến lược Quốc phòng” mới trong đó khẳng định sự ưu tiên của Hoa Kỳ với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Với Hoa Kỳ, việc mở rộng khái niệm này đã chính thức thừa nhận Ấn Độ là một người chơi lớn trong những diễn biến địa chính trị trong khu vực, đồng thời phần nào thể hiện sự khác biệt so với chính sách “Tái cân bằng” của chính quyền Obama trước đây. Thậm chí, Tổng thống D. Trump mong muốn đưa quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ trở thành một hình mẫu của chiến lược “Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương: Tự do, Rộng mở”. Đồng thời, hợp tác Việt Nam – Hoa Kỳ tiếp tục được mở rộng tại các diễn đàn khu vực, đặc biệt liên quan đến vấn đề Biển Đông và vấn đề sông Mekong. Đây chính là những diễn đàn quan trọng để Hoa Kỳ thể hiện vai trò lãnh đạo, “trung gian hòa giải” và tìm kiếm các giải pháp hòa bình ở khu vực dù không có lợi ích trực tiếp tại đây. Điều này chứng tỏ quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất và toàn diện. Để đi đến sự đồng thuận trong việc thúc đẩy quan hệ hai nước đi vào chiều sâu, quan hệ Việt Nam và Hoa Kỳ cũng tồn tại nhiều bất đồng, khó khăn. Bên cạnh sự khác biệt về nhận thức, quan điểm về các giá trị dân chủ, nhân quyền, giữa hai quốc gia, hai dân tộc còn tồn tại “bóng ma” của chiến tranh Việt Nam. Những vấn đề liên quan đến di sản chiến tranh Việt Nam như vấn đề tù binh, người Mỹ mất tích trong chiến tranh (POW/MIA), vấn đề chất độc màu da cam/dioxin luôn chiếm một phần lớn trong nội dung trao đổi giữa hai nước trong quá trình đàm phán đi đến bình thường hóa quan hệ ngoại giao cho đến từng giai đoạn phát triển trong quan hệ hai nước. Thậm chí, “hội chứng chiến tranh Việt Nam” trong một thời gian dài đã làm ám ảnh trong xã hội Hoa Kỳ, trong khi “nỗi đau chiến tranh” vẫn tồn tại âm ỉ trong cộng đồng ở Việt Nam. Đơn cử là vào năm 2016, Cựu nghị sĩ Hoa Kỳ Bob Kerry được lựa chọn là chủ tịch Hội đồng quản trị Đại học Fulbright Việt Nam – một quân nhân Hoa Kỳ từng tham chiến tại Việt Nam – đã vấp phải một làn sóng phản đối mạnh mẽ trong dư luận Việt Nam. Tuy nhiên, chính phủ hai nước đồng thuận hướng tới những điểm chung trong hợp tác và tạm gác các vấn đề khác biệt. Điều này thể hiện rõ nét qua việc Tổng

thống Hoa Kỳ hiện nay Donald Trump đặt nhẹ vấn đề nhân quyền, dân chủ ở Việt Nam mặc dù nhiều quan chức Hoa Kỳ các nhiệm kỳ trước từng khẳng định chỉ tiến tới quan hệ đối tác chiến lược khi Việt Nam đáp ứng những yêu cầu về quyền công dân, dân chủ, nhân quyền.

KẾT LUẬN

Nhìn chung, với nhiều tín hiệu khả quan đến từ hai chủ thể chính – Việt Nam và Hoa Kỳ, việc nâng cấp quan hệ từ đối tác toàn diện sang đối tác chiến lược hoàn toàn có thể thực hiện được trong tương lai gần. Quá trình hoạch định chính sách đối ngoại Việt Nam theo mô hình của David Easton cho thấy việc thúc đẩy quá trình tiến tới nâng cấp quan hệ với Hoa Kỳ có tiến trình lâu dài với nhiều nhân tố thuận lợi từ môi trường và hệ thống chính trị Việt Nam. Từ thời kỳ Đổi mới với sự thay đổi mạnh mẽ trong tư duy đối ngoại, cách tiếp cận vấn đề, Việt Nam đã thể hiện mong muốn hợp tác thực chất, sâu sắc với các cường quốc trên thế giới, đặc biệt là Hoa Kỳ. Từ mô hình của David Easton đối với việc thúc đẩy quan hệ chiến lược với Hoa Kỳ cho thấy sự nhất quán, toàn diện trong đường lối đối ngoại của Việt Nam về vấn đề này. Với sự cởi mở từ hai phía cùng tâm thế hợp tác thúc đẩy hòa bình, hữu nghị, hợp tác, những cơ sở đầu tiên thực hiện việc nâng tầm quan hệ đã được tiến hành và thúc đẩy. Tuy nhiên, việc nâng tầm quan hệ với Hoa Kỳ để đẩy Việt Nam vào mối quan hệ tam giác Mỹ - Trung - Việt với nhiều thách thức, Việt Nam cần tiếp tục thực hiện những nguyên tắc được Đảng Cộng sản Việt Nam và Chính phủ Việt Nam định hướng tại các văn kiện quan trọng, các nguyên tắc thiết lập tại các tuyên bố chung, đặc biệt là Tuyên bố chung quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ vào tháng 7/2015.

Đặc biệt, năm 2020 là một năm lý tưởng cho cả Hoa Kỳ lẫn Việt Nam nâng cấp quan hệ thành “đối tác chiến lược” vì đây là thời điểm đánh dấu kỷ niệm 25 năm bình thường hóa quan hệ hai nước. Do đó, để thúc đẩy tiến trình hợp tác trong quan hệ hai nước và sớm hiện thực hóa nâng cấp “quan hệ đối tác chiến lược” trong tương lai gần, Việt Nam và Hoa Kỳ cần đẩy mạnh hoạt động thông qua các cơ chế hợp tác song phương hiệu quả theo lộ trình dự kiến của hai nước. Ngoài ra, hai nước cần thúc đẩy đối thoại và hợp tác ở các lĩnh vực then chốt như chính trị - ngoại giao, kinh tế, an ninh – quốc phòng. Đặc biệt, quá trình thúc đẩy quan hệ đi vào chiều sâu không được làm phương hại đến ngoại giao nhân dân hay quan hệ của nhân dân hai nước với nhau. Đồng thời, nhân tố Trung Quốc cần được xem xét kỹ lưỡng và cân trọng trong hợp tác Việt Nam – Hoa Kỳ. Sự trở dậy của Trung Quốc có thể là một động lực thúc đẩy việc siết chặt quan hệ của Việt Nam

và Hoa Kỳ nhưng cũng có thể là lực cản cho tiến trình hợp tác hai nước. Tuy nhiên, “quan hệ đối tác chiến lược” không phải là “quan hệ đồng minh quân sự”, việc hợp tác quan hệ của Việt Nam – Hoa Kỳ cần hướng tới một trật tự ổn định và hòa bình cũng như thịnh vượng cho cả hai quốc gia, hai dân tộc thay vì cùng nhau chống lại một mối đe dọa nào đó. Chỉ khi quan hệ hai nước phát triển xuất phát từ chính nội tại của hai bên, quan hệ Việt Nam và Hoa Kỳ mới có thể trở thành “hình mẫu” trong hợp tác khu vực vì sự bền vững trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ lẫn nhau.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

APEC: Asia-Pacific Economic Cooperation (Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương)

ASEAN: Association of Southeast Asian Nations (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á)

FTA: Free trade agreement (Hiệp định thương mại tự do)

POW/MIA: Prisoner of War/Missing in Action (Tù nhân chiến tranh/Mất tích trong chiến tranh)

NATO: North Atlantic Treaty Organization (Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương)

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Tác giả bài viết cam kết không có xung đột lợi ích liên quan đến nghiên cứu này.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Bài viết là sản phẩm nghiên cứu của riêng tác giả, các kết quả nghiên cứu trình bày trong bài viết được tác giả rút ra trong quá trình nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dougherty JE, Pfaltzgraff RL. *Contending Theories of International Relations*. New York: Harper and Row Publishers. 1981;.
2. Joseph S, Nye J. *Public Diplomacy and Soft Power*. The ANNALS of the American Academy of Political and Social Science. 2008;616:94–109. Available from: <https://doi.org/10.1177/0002716207311699>.
3. Risse-Kappen T. *Public Opinion, Domestic Structure, and Foreign Policy in Liberal Democracies*. *World Politics*. 1991;43(4):479–512. Available from: <https://doi.org/10.2307/2010534>.
4. Holsti O. *Public opinion and foreign policy: Challenges to the Almond Lippmann consensus*. *International Studies Quarterly*. 1992;36(4):439–466. Available from: <https://doi.org/10.2307/2600734>.
5. Waltz KN. *Systemic Approaches and Theories*. KN Waltz Theory of International Politics, Reading, Mass, Addison-Wesley Pub Co. 1979;.
6. Acharya A. *Theoretical Perspectives on International Relations in Asia*. in David Shambaugh, Michael Yahuda (Eds). *International Relations of Asia Maryland*: Rowman & Littlefield Publishers. 2008;p. 57–82.

7. Easton D. *A System Analysis of Political Life*. New York: John Wiley. 1965;.
8. Hiệp DP, Hà VV. *Cục diện châu Á - Thái Bình Dương*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia. 2006;.
9. Huynh DT, Phú PH, Nghĩa LH, Hiến VV, Thông NV. *30 năm Đổi mới và phát triển ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia. 2015;.
10. Duyên LV. *Quá trình phát triển chính sách đối ngoại của Việt Nam với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong thời kỳ Đổi mới (1986 đến nay)*. Luận án Tiến sĩ Học viện Ngoại giao. 2017;.
11. Quảng DV. Nguyễn Thị Thìn. *Bàn về vấn đề phân tích chính sách đối ngoại*. *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*. 2010;4(83):33.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia. 2016;p. 71–72.
13. Diến NB. *Tranh chấp Biển Đông và các phương thức giải quyết hòa bình tranh chấp quốc tế trong Luật Quốc tế hiện đại*. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học*. 2015;31(3):11–25.
14. Phương TA. *Bàn thêm về khái niệm Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương*. *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Nam Á*. 2004;5(53):24–26.
15. Hu W. *Building Asia Pacific Regional Architecture: The Challenge of Hybrid Regionalism*. The Brookings Institution Center for Northeast Asian Policy Studies. 2009;.
16. Thanh DX. *Cục diện Khu vực Đông Bắc Á trong tầm nhìn đến năm 2020*. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*. 2013;2(144):3–12.
17. Nhân HTT, Vinh VX. *Hiện thực hóa cộng đồng ASEAN: Thuận lợi và trở ngại*. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN Kinh tế và Kinh doanh*. 2013;29(4):12–23.
18. Hiebert M, Poling GB, Cronin C. *In the Wake of Arbitration: Papers from the Sixth Annual CSIS South China Sea Conference*. The Center for Strategic and International Studies (CSIS) New York. 2017;.
19. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương. *Tài liệu học tập Nghị quyết hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia. 2003;p. 44.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia. 2006;p. 112.
21. Jean-Marc FB. *China's Maritime Silk Road initiative and South Asia: A political economic analysis of its purposes, perils, and promise*. London: Palgrave Macmillan. 2018;.
22. Lokshin GM. *Biển Đông Cuộc tìm kiếm đồng thuận nan giải (Sách tham khảo)*. Người dịch: Văn Thắng - Quang Anh. Người hiệu đính: Lê Đức Mẫn. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật. 2016;.
23. Lan NTB. *Vai trò địa chính trị của khu vực Đông Nam Á đối với Hoa Kỳ những năm đầu thế kỷ XXI*. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 2018;54(3C):209–215. Available from: <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2018.058>.
24. Giang LVT. *Biển Đông trong chiến lược phát triển của các quốc gia khu vực châu Á - Thái Bình Dương đầu thế kỷ XXI*. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*. 2012;72A(3):87–100.
25. Minh PB. *Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến 2020*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia. 2010;.
26. Khiêm PG. *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong đổi mới đối ngoại*. *Đảng Cộng sản Việt Nam - 80 năm xây dựng và phát triển*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia. 2010;.
27. *Chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam*. Website Bộ Ngoại giao Việt Nam. [truy cập ngày 01/04/2020]; Available from: http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/cs_doingoi/ns140217213857.
28. Huân VD. *Vài nhận thức về hệ thống quan hệ quốc tế*. *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*. 2011;1(84):175–244.
29. Tuấn DC. *Quan hệ đối tác chiến lược trong quan hệ quốc tế hiện nay: Lý thuyết, thực tiễn thế giới và Việt Nam*. *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*. 2013;7(154):3–14.